

Bản án số: 05/2018/KDTM-PT

Ngày 11 - 9 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Châu Việt Thanh

Ông Bùi Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tăng Giàu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2018/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng T.

Trụ sở: Trần Hưng Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Bành Trung D, sinh năm 1965 - Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng T chi nhánh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 01/8/2017).

***- Bị đơn:*** Công ty C; Trụ sở: Ấp K, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Mai Bá D, sinh năm 1972 - Giám đốc Công ty C (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 11/01/2018).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Công ty P; Trụ sở: Phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Lê Minh C, sinh năm 1965; cư trú tại Khóm X, Phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 26/01/2018).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T ông Bành Trung D trình bày:*

Năm 2010, Ngân hàng T chi nhánh Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Xuất nhập khẩu C (sau đây gọi tắt là Công ty C) ký kết hợp đồng tín dụng số 10.36.2912/HĐTD ngày 29/12/2010, theo đó Ngân hàng cho Công ty C vay vốn số tiền 20.000.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay này, ngày 29/12/2010, Công ty Cổ phần Thủy sản P (sau đây gọi tắt là Công ty P) có văn bản cam kết bảo lãnh ngày 29/12/2010 gửi cho Ngân hàng có nội dung bảo lãnh cho Công ty C vay vốn với mức bảo lãnh dư nợ cao nhất là 40.000.000.000 đồng.

Năm 2011, giữa Ngân hàng và Công ty C tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 11.36.0606/HĐTD ngày 06/6/2011, theo đó Ngân hàng đồng ý cho Công ty C vay vốn số tiền 40.000.000.000 đồng; hợp đồng này chuyển toàn bộ dư nợ của hợp đồng năm 2010 nêu trên sang với số tiền 19.970.479.772 đồng. Theo đó Công ty P có văn bản cam kết bảo lãnh ngày 06/6/2011 gửi cho Ngân hàng có nội dung cam kết bảo lãnh cho Công ty C vay vốn với mức bảo lãnh dư nợ cao nhất là 40.000.000.000 đồng.

Năm 2012, giữa Ngân hàng và Công ty C tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/8/2012; theo đó Ngân hàng đồng ý cho Công ty C vay số tiền là 40.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất tiền vay tính trên từng lần nhận nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là thu mua, chế biến, đông lạnh xuất khẩu thủy hải sản và bán nội địa; thời hạn vay của từng lần nhận nợ là 05 tháng; hợp đồng này chuyển toàn bộ dư nợ của hợp đồng năm 2011 nêu trên sang với số tiền là 33.417.374.410 đồng, đồng thời trong năm 2012, Công ty C đã nhận nợ vay thêm 20 lần theo 20 giấy nhận nợ tương ứng với số tiền 39.981.697.511 đồng. Bên cạnh đó, ngày 04/4/2012 Công ty P có Văn bản cam kết bảo lãnh cho Công ty C vay vốn với mức bảo lãnh dư nợ cao nhất là 60.000.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/8/2012 nêu trên, hai bên đã ký kết Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 16/7/2013 nhằm cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Công ty C, nhưng Công ty C chỉ thực hiện trả nợ được một kỳ với số tiền 1.000.000.000 đồng (do Công ty P trả nợ thay) và Ngân hàng trừ nợ từ các tài khoản có của Công ty C với số tiền là 50.697.511 đồng. Do Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty C thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền là 73.707.911.150 đồng, trong đó nợ gốc là 38.931.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh tính đến hết ngày 16/4/2018 là 34.776.911.150 đồng (trong đó lãi trong hạn là 26.909.016.098 đồng, lãi quá hạn là 7.867.895.052 đồng) và nợ lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết tính kể từ ngày

17/4/2018 cho đến khi trả hết nợ xong cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty C không trả được nợ thì yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012.

*Bị đơn Công ty C người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Bá D trình bày:* Ông xác nhận Công ty C có ký kết các hợp đồng tín dụng vay vốn đúng như đại diện Ngân hàng trình bày. Phía Công ty P có ký các cam kết bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty C. Nay Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì Công ty C thừa nhận còn nợ Ngân hàng với số tiền như Ngân hàng yêu cầu, nhưng hiện tại Công ty C không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng, do đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế. Vì vậy, Công ty C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Minh C trình bày:* Công ty P xác định Ngân hàng sử dụng Văn bản đề nghị ngày 04/4/2012 làm biện pháp bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/8/2012 là không có giá trị pháp lý, không có giá trị ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với Công ty P. Thực tế, ngày 04/4/2012 Công ty P có ký cam kết bảo lãnh trả nợ cho Công ty C vay tiền, nhưng đây chỉ là sự cam kết xin được bảo lãnh và không được Ngân hàng phản hồi chấp nhận, nên đây không phải là cơ sở pháp lý ràng buộc trách nhiệm của Công ty P, vì trong văn bản bảo lãnh không xác định bảo lãnh cho khoản vay theo hợp đồng nào, không thỏa thuận lãi suất thời gian vay, trả lãi. Từ khi Công ty P có đơn xin bảo lãnh thì gần 06 tháng sau Ngân hàng mới cho Công ty C vay tiền. Hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/8/2012 và Văn bản bổ sung, sửa đổi hợp đồng tín dụng ngày 16/7/2013 Ngân hàng không mời Công ty P cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng về trách nhiệm bảo lãnh nên không thể buộc Công ty P phải thực hiện trách nhiệm bảo lãnh theo Văn bản đề nghị bảo lãnh ngày 04/4/2012. Để đảm bảo khoản vay này, Ngân hàng còn các tài sản thế chấp khác là Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 36.040912 và Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 36.040912 ngày 04/9/2013 trị giá hàng trăm tỷ đồng, nhưng Ngân hàng lại không yêu cầu xử lý các hợp đồng này. Hiện tại Công ty P đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nên công ty P không chấp nhận thanh toán nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty C theo cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012.

Từ nội dung trên tại bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Buộc Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu nhận theo hợp đồng đã ký kết) tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/4/2018 là 73.707.911.150 đồng (bảy mươi ba tỷ bảy trăm lẻ bảy triệu chín trăm mười một nghìn một trăm năm mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 38.931.000.000 đồng và nợ lãi là 34.776.911.150 đồng (lãi trong hạn là 26.909.016.098 đồng, lãi quá hạn là 7.867.895.052 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty C không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Công ty P có nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 trong phạm vi bảo lãnh là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về áp dụng Luật thi hành án dân sự và về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/5/2018, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần thủy sản P (nay là Công ty Cổ phần thủy sản P Cà Mau) kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc buộc Công ty P phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo giấy bảo lãnh ngày 04/4/2012 đối với các khoản nợ của Công ty C đối với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/08/2012 giữa Ngân hàng với Công ty C.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến như sau: Cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 là có thực tế nhưng văn bản không có số, không thể hiện bảo lãnh cho khoản vay của hợp đồng nào, nên không có giá trị pháp lý để ràng buộc Công ty P trả nợ thay cho Công ty C đối với hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/08/2012. Nếu cam kết đó có hiệu lực thì cũng không thể bảo lãnh cho khoản chuyển dư nợ trước đó sang. Người cho vay phải xem xét người bảo lãnh có đủ điều kiện không, đồng thời bắt buộc người bảo lãnh phải được tham gia ký kết hợp đồng tín dụng. Sau khi ký hết hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng và Công ty C có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là hàng tồn kho tôm, mực có giá trị đến 179 tỷ đồng nên đề nghị Ngân hàng ưu tiên thực hiện hợp đồng thế chấp trước. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty P; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày và tranh luận của các đương sự, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29 tháng 4 năm 2018, người đại diện theo ủy quyền của Công ty P có đơn kháng cáo đối với bản án kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và có nộp tiền tạm ứng án phí. Đơn kháng cáo của người đại diện Công ty P nộp trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ông Mai Bá D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty C trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/8/2012. Trường hợp Công ty C không trả được nợ thì yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 để trả nợ cho Ngân hàng. Người đại diện của Ngân hàng và người đại diện của Công ty C thống nhất xác định thực hiện hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/8/2012 thì Công ty C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 39.981.697.511đ. Đến ngày 26/9/2013, Công ty C đã trả nợ gốc cho Ngân hàng được 1.000.000.000đ và Ngân hàng thu nợ từ các tài khoản của Công ty C được số tiền 50.697.511đ đều được trừ vào nợ gốc. Đối trừ số tiền đã thanh toán, Công ty C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 38.931.000.000đ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/8/2012, buộc Công ty C có trách nhiệm trả nợ gốc cho Ngân hàng số tiền 38.931.000.000đ và lãi phát sinh tính đến ngày 16/4/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền là 34.776.911.150đ; trong đó tiền lãi trong hạn là 26.909.016.098đ, tiền lãi quá hạn là 7.867.895.052đ. Đối với quyết định của án sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần Thủy sản P (nay là Công ty Cổ phần thủy sản P Cà Mau), Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 04/4/2012 Công ty P có Văn bản cam kết bảo lãnh gửi cho Ngân hàng đề nghị được bảo lãnh cho Công ty C vay vốn với mức bảo lãnh dư nợ cao nhất là 60.000.000.000 đồng, điều này được các bên có liên quan như Ngân hàng, Công ty C và Công ty P đều thừa nhận. Xét thấy, Công ty P đã họp Hội đồng quản trị thông qua việc bảo lãnh cho Công ty C vay vốn Ngân hàng thể hiện tại biên bản họp ngày 03/4/2012 theo đúng quy định tại Điều 24, khoản 4 Điều 25 của Điều lệ Công ty, nên đại diện Công ty P cho rằng Hội đồng quản trị thông qua biên bản họp ngày 03/4/2012 không đúng và đủ thành phần là không có căn cứ chấp nhận. Cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 của Công ty P được lập thành văn bản riêng

phù hợp với quy định tại Điều 362 Bộ luật Dân sự năm 2005, theo đó: “*Việc bảo lãnh phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính...*”. Trên cơ sở cam kết bảo lãnh này, Ngân hàng và Công ty C đã ký kết hợp đồng tín dụng số 36.290812/HĐTD ngày 29/08/2012. Tại khoản 8 của hợp đồng tín dụng này có thể hiện: “*Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là bảo lãnh của Công ty CP TS P (Cty mẹ)...*”.

[5] Mặc dù, cam kết bảo lãnh không ghi bảo lãnh cho hợp đồng tín dụng nào, thời gian, lãi suất cụ thể... Tuy nhiên, từ khi Công ty P gửi cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 thì giữa Ngân hàng và Công ty C chỉ ký kết 01 hợp đồng tín dụng đó là hợp đồng số 36.290812/HĐTD ngày 29/08/2012, đồng thời tại hợp đồng tín dụng này có chuyên nợ của hợp đồng năm 2011 sang, các khoản nợ trước đó đều có cam kết bảo lãnh của Công ty P. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, khi xảy ra tranh chấp giữa ba bên đã có sự bàn bạc, thỏa thuận về việc trả nợ và thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện tại các Biên bản làm việc ngày 07/5/2013 (bút lục 83-86), ngày 02/7/2013 (bút lục 87-89) và ngày 28/02/2014 (bút lục 83-86). Tại các Biên bản làm việc này đều có sự tham gia của người đại diện theo pháp luật của Công ty P là ông Nguyễn Việt C, theo đó Công ty P nhìn nhận nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty C. Vì vậy, đại diện của Công ty P cho rằng cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 của Công ty P không có giá trị pháp lý là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản của Công ty C mà Công ty P đặt ra. Xét thấy, đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 36.040912 ngày 04/9/2012 giữa Công ty C và Ngân hàng, nhưng khi Ngân hàng khởi kiện thì không đặt ra yêu cầu xem xét đối với hợp đồng này, nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm cũng không đặt ra xem xét. Mặt khác, các biên bản làm việc ngày 07/5/2013 (bút lục 83-86), ngày 02/7/2013 (bút lục 87-89) và ngày 28/02/2014 (bút lục 83-86) không có thỏa thuận về việc phải xử lý tài sản thế chấp trước mới thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nên đại diện Công ty P yêu cầu thực hiện hợp đồng thế chấp tài sản trước là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Thực tế giữa Ngân hàng với Công ty C đã có quan hệ tín dụng với nhau liên tục từ năm 2010 đến năm 2012 và việc vay nợ đều có kèm theo biện pháp bảo đảm là cam kết trả nợ thay của Công ty P; trong suốt quá trình giao dịch này phía Công ty P không đặt ra vấn đề gì đối với Văn bản đề nghị cam kết bảo lãnh gửi cho Ngân hàng nên đây là sự thống nhất giữa ba bên về việc thực hiện biện pháp bảo lãnh. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 trong trường hợp Công ty C không trả được nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Xét cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 của Công ty P có nội dung: Công ty P bảo lãnh cho Công ty C vay vốn tại Ngân hàng T – Chi nhánh Bạc Liêu với mức bảo lãnh dư nợ cao nhất là 60.000.000.000 đồng. Do đó, đối với khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng có tranh chấp nêu trên chỉ ràng buộc nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty P trong phạm vi bảo lãnh với mức dư nợ cao nhất

là 60.000.000.000 đồng.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện Công ty P không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện Công ty P.

[10] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty P, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do Công ty C phải có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu tương ứng với nghĩa vụ phải thực hiện. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm Công ty P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 361, Điều 362 và Điều 363 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Thủy sản P (nay là Công ty Cổ phần thủy sản P Cà Mau); giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 01/2018/KDTM-ST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Xuất nhập khẩu C và Công ty Cổ phần Thủy sản P (nay là Công ty Cổ phần thủy sản P Cà Mau).

2. Buộc Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Xuất nhập khẩu C phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu nhận theo hợp đồng đã ký kết) tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 16/4/2018 là 73.707.911.150 đồng (bảy mươi ba tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm mười một nghìn một trăm năm mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 38.931.000.000 đồng và nợ lãi là 34.776.911.150 đồng (lãi trong hạn là 26.909.016.098 đồng, lãi quá hạn là 7.867.895.052 đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty Cổ phần Chế biến

thủy sản Xuất nhập khẩu C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Xuất nhập khẩu C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trường hợp Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Xuất nhập khẩu C không thanh toán nợ cho Ngân hàng T thì Công ty P có nghĩa vụ trả nợ thay theo cam kết bảo lãnh ngày 04/4/2012 trong phạm vi bảo lãnh là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng).

5. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Xuất nhập khẩu C phải chịu là 181.707.000 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngân hàng T không phải chịu án phí, đại diện Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí 78.132.000 đồng theo Biên lai thu số 006809 ngày 29/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần Thủy sản P (nay là Công ty cổ phần thủy sản P Cà Mau) phải chịu 2.000.000 đồng. Người đại diện Công ty P nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008175 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, được đối trừ, nên buộc Công ty P phải chịu thêm số tiền 1.700.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

*(đã ký)*

**Trương Thanh Dũng**